

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO**

Bản án số: 65/2017/HSST
Ngày 02 tháng 6 năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Công Cảnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Tường
Bà Nguyễn Thị Sinh

- Thư ký Tòa án: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì.

- Đại diện VKSND thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Phạm Ngọc S** - Sinh ngày 20/6/1991; Giới tính: Nam;
- Tên gọi khác: Không;
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu H, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ;
- Chỗ ở: khu Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ.
- Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;
- Con ông: Phạm Hồng H - sinh năm 1966, nghề nghiệp: Lao động tự do;
- Con bà: Nguyễn Thị Kh - sinh năm 1970; nghề nghiệp: Lao động tự do;
- Vợ: Đỗ Thị X - sinh năm 1991
- Con: Có 01 con, sinh năm 2013.
- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 18/01/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: khu Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ

(Có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Ngọc S bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, nên khoảng 19 giờ 55 phút

ngày 18/01/2017, Đỗ Văn M, sinh năm 1991, hộ khẩu thường trú: Tổ 18, khu 4, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ gọi điện từ số 0165.436.9622 của M đến số điện thoại 01238.522.222 của Phạm Ngọc S, M hỏi S có ma túy đá bán cho M 500.000 đồng. S đồng ý bán ma túy và hẹn M ra khu vực gần khu tái định cư P thuộc địa phận phường V, thành phố T để mua bán. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 18/01/2017, M đi ra chỗ hẹn gặp S, M đưa cho S 500.000 đồng, S cầm tiền và đưa lại cho M 01 túi ma túy đá, đúng lúc này thì bị Tổ Công tác Công an phường V phát hiện bắt quả tang. Vật chứng: Thu giữ của Đỗ Văn M: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, đây là túi ma túy M vừa mua được của S để sử dụng (được niêm phong vào bì ghi số 01); Thu giữ của S: 02 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong vào bì ghi số 02), S khai đó là 02 túi ma túy đá của S mục đích để sử dụng, tiền Việt Nam: 500.000 đồng, là số tiền S vừa bán ma túy cho M. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, niêm phong vật chứng thu giữ của S, M. Ngoài ra còn thu giữ của S 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám đen đã cũ, số Imel 354410065495015, kèm sim trong máy số 01238.522.222, thu giữ của M 01 điện thoại Nokia màu đen đã cũ, số Imel 359032046404901, kèm sim trong máy số 0165.436.9622. Công an phường V đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì điều tra theo thẩm quyền.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Việt Trì đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc S, quá trình khám xét không thu giữ gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với vật chứng thu giữ của Phạm Ngọc S và Đỗ Văn M. Tại bản kết luận giám định số 761/KLGĐ ngày 20/01/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

" Mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong bì ghi số 01 (ghi vật chứng thu giữ của Đỗ Văn M) ở dạng chất rắn tinh thể màu trắng được chứa trong trong 01 gói nilon màu trắng có khối lượng là 0,151 gam, có Methamphetamine;

Mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong bì ghi số 02 (ghi vật chứng thu giữ của Phạm Ngọc S) ở dạng chất rắn tinh thể màu trắng được chứa trong trong 02 gói nilon màu trắng có tổng khối lượng là 0,274 gam, có Methamphetamine".

Hoàn trả 0,125 gam (bì số 01), 0,242 gam (bì số 02) là mẫu vật còn lại sau giám định.

Về nguồn gốc gói ma túy bán cho M và 02 gói ma túy S tàng trữ, theo lời khai của S: Khoảng 9 giờ ngày 16/01/2017, S bắt xe khách xuống đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, Hà Nội, S gặp và hỏi mua được của một nam thanh niên S chỉ biết tên là C, không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể được 05 túi ma túy đá với giá 2.000.000 đồng. S cầm 05 túi ma túy đá về nhà và đã sử dụng hết cho bản thân 02 túi ma túy. Đến 19 giờ 55 phút ngày 18/01/2017, khi M gọi điện hỏi mua ma túy, S đã cầm theo 03 túi ma túy đi đến chỗ hẹn và bán cho M 01 túi ma túy thì bị bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Đối với Đỗ Văn M, nhân thân chưa có tiền án về tội phạm ma túy, đã mua ma túy của Phạm Ngọc S, mục đích để sử dụng cho bản thân, xét thấy hành vi của M chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an thành phố Việt Trì đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định 167/CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, đồng thời trả lại cho Đỗ Văn M 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ, số Imel số Imel 359032046404901, kèm sim trong máy số 0165.436.9622.

Đối với nam thanh niên tên là C đã bán ma túy cho S, do S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được người đã bán ma túy cho S.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu xám đen đã cũ, số Imel 354410065495015 thu giữ của Phạm Ngọc S, quá trình điều tra xác định là của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: khu Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, là cậu ruột S, do điện thoại của S bị hỏng nên ngày 15/01/2017, anh Đ đã cho S mượn điện thoại để sử dụng. Việc S lắp sim và sử dụng điện thoại để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với M, anh Đ không biết nên Cơ quan điều tra đã trả chiếc điện thoại di động cho nêu trên cho anh Đ.

Đối với 01 chiếc sim điện thoại số 01238.522.222, xác định là chiếc sim S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với M.

Số tiền 500.000 đồng thu giữ của S, xác định là tiền do S bán ma túy cho M mà có.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo: Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định, bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, bản thân chỉ có đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản có giá trị.

Tại bản Cáo trạng số: 72/KSĐT-MT ngày 24 tháng 4 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình Sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc S từ 30 đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên toà, bị cáo Phạm Ngọc S đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 21 giờ ngày 18/01/2017, tại khu 1, phường V, thành phố T, tỉnh Phú Thọ,

Phạm Ngọc S đã có hành vi bán trái phép 0,151 gam chất ma túy Methamphetamine cho Đỗ Văn M với giá bán 500.000 đồng. Ngoài ra, S còn tàng trữ 0,274 gam chất ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng. Do vậy, Phạm Ngọc S phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng là 0,151 gam Methamphetamine. Đối với hành vi tàng trữ 0,274 gam chất ma túy Methamphetamine nhằm sử dụng của S chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với S.

Hành vi của Phạm Ngọc S không những đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật.

Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, vật chứng vụ án và các tài liệu khác có lưu trong hồ sơ. Do đó có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Ngọc S đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự và như kết luận và viện dẫn của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 194 Bộ luật Hình sự qui định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, thể hiện sự coi thường bất chấp pháp luật, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo thật nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh, Cơ quan điều tra xác định, bị cáo sống phụ thuộc vào gia đình, bản thân chỉ có đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản có giá trị nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo S.

Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu tiêu hủy 0,125 gam (bì số 01), 0,242 gam (bì số 02) chất rắn tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong trong bì số: 761/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 01238.522.222 là chiếc sim S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với M.

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền: 500.000 đồng thu giữ của S là tiền do S bán ma túy cho M mà có.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu xám đen đã cũ, số Imel 354410065495015 thu giữ của Phạm Ngọc S, quá trình điều tra xác định là của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú: khu Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, là cậu ruột S, do điện thoại của S bị hỏng nên ngày 15/01/2017, anh Đ đã cho S mượn điện thoại để sử dụng. Việc S lắp sim và sử dụng điện thoại để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với M, anh Đ không biết nên Cơ quan điều tra đã trả chiếc điện thoại di động cho nêu trên cho anh Đ là phù hợp.

Đối với Đỗ Văn M, nhân thân chưa có tiền án về tội phạm ma túy, đã mua ma túy của Phạm Ngọc S, mục đích để sử dụng cho bản thân, xét thấy hành vi của M chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an thành phố Việt Trì đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định 167/CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, đồng thời trả lại cho Đỗ Văn M 01 chiếc điện thoại Nokia màu đen đã cũ, số Imel số Imel 359032046404901, kèm sim trong máy số 0165.436.9622 là phù hợp.

Đối với nam thanh niên tên là C đã bán ma túy cho S, do S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được người đã bán ma túy cho S là phù hợp.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc bị cáo S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2017.

2. Hình phạt bổ sung: miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c, d Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 0,125 gam (bì số 01), 0,242 gam (bì số 02) chất rắn tinh thể màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói gửi đến giám định được niêm phong trong bì số: 761/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 01238.522.222 là chiếc sim S dùng để liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với M.

Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền: 500.000 đồng thu giữ của S là tiền do S bán ma túy cho M mà có.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 5 năm 2017)

Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu xám đen đã cũ, số Imel 354410065495015 theo biên bản về việc trả lại tài sản lập ngày 26 tháng 01 năm 2017 lưu trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Buộc bị cáo S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nội nhân:

- VKSND T. Phú Thọ; Tp. Việt Trì
- Những người tham gia tố tụng
- Chi cục THADS Tp.T;
- Công an Tp.T
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường P
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Công Cẩn